| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**T PHỐ UÔNG BÍ**<br>**TỈNH QUẢNG NINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

*Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST*
*Ngày: 16/4/2021*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Giang Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân*: ông Nguyễn Tiến Tập và bà Nguyễn Thị Xuân.

***- Thư ký phiên tòa***: ông Lê Trung Nghĩa - Thư ký tòa án nhân dân T phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Uông Bí tham gia phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Phương Linh - kiểm sát viên.

Ngày 16/4/2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân T phố Uông Bí xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ L số 331/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/11/2020 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1981, trú tại tổ 28, khu Phú Thanh Tây, phường Yên Thanh, T phố Uông Bí, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: anh **Vũ Trung T**, sinh năm 1975, trú tại tổ 28, khu Phú Thanh Tây, phường Yên Thanh, T phố Uông Bí, vắng mặt (lần thứ hai không L do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Trần Thị L và anh Vũ Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, T phố Uông Bí ngày 05/11/2004, do hai bên phát sinh mâu thuẫn nên chị L đã nộp đơn lên tòa án đề nghị giải quyết ly hôn với anh T.

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt nộp đến tòa án, chị L trình bày quan điểm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung năm 2004, về sống

hòa thuận đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu về đánh đập chửi bới hành hung chị. Từ tháng 12/2018 đến tháng 07/2019 hai vợ chồng đã ly thân, sau đó vì thương con nên chị quay lại chung sống, nhưng anh T không thay đổi tính nết, vì vậy từ tháng 01/2020 chị đã ra ngoài thuê nhà trọ sống, hai bên ly thân từ đó đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự sâu sắc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: có 02 con chung là Vũ Trần Vi Thảo (sinh ngày 18/5/2005) và Vũ Trần Như Quỳnh (sinh ngày 27/4/2007). Tại đơn ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung đến khi đủ 18 tuổi và anh T phải cấp dưỡng cho cháu Quỳnh số tiền là 2.500.000 đồng/ tháng. Tại đơn đề nghị thay đổi yêu cầu nuôi con chung ngày 09/3/2021 chị L đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Vũ Trần Vi Thảo và anh T trực tiếp nuôi cháu Vũ Trần Như Quỳnh đến khi đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: chị L không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh T, trong quá trình giải quyết vụ án anh T có quan điểm tại văn bản đề nghị ngày 07/12/2020 và bản tự khai ngày 11/12/2020 như sau:

Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung năm 2004, nay anh đồng ý ly hôn với chị L vì thấy tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: có 02 con chung là Vũ Trần Vi Thảo (sinh ngày 18/5/2005) và Vũ Trần Như Quỳnh (sinh ngày 27/4/2007). Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con đến khi đủ 18 tuổi hoặc Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy ý kiến con chung ngày 28/12/2020, hai cháu Vũ Trần Vi Thảo và Vũ Trần Như Quỳnh đều trình bày nguyện vọng muốn ở với mẹ. Tại đơn đề nghị ngày 09/3/2021, cháu Quỳnh đề nghị thay đổi nguyện vọng xin ở với bố vì chị L hiện đi thuê trọ, không đủ khả năng nuôi cả hai con.

Tại biên bản xác minh với khu trưởng khu Phú Thanh Tây, phường Yên Thanh, T phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, Tòa án được cung cấp thông tin như sau: chị L và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, về chung sống đến gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm, từ khoảng năm 2019 chị L ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống, nay chị L có đơn ly hôn đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: cháu Vũ Trần Vi Thảo đã ra ngoài sống với chị L, cháu Vũ Trần Như Quỳnh vẫn ở với bố, sức khỏe cháu bình thường, sinh hoạt ổn định. Đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của hai cháu để giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Uông Bí phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ L vụ án đến khi xét xử;

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn;

+ Giao cháu Vũ Trần Vi Thảo cho cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Vũ Trần Như Quỳnh cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau;

+ Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ L và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân gia đình giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân T phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có L do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Vũ Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, T phố Uông Bí ngày 05/11/2004, do hai bên phát sinh mâu thuẫn nên chị L đã nộp đơn đến Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân chỉ thật sự đạt được khi xuất phát từ ý chí, nguyện vọng và sự tự nguyện của hai bên, trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng chị L và anh T đã không làm được điều này, hai bên đã ly thân từ năm 2020 đến nay, cả hai bên cũng đều nhất trí ly hôn, như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng hai bên đương sự đã thật sự không thể hòa giải hàn gắn tình cảm với nhau được nữa, mâu thuẫn hai bên đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung là Vũ Trần Vi Thảo (sinh ngày 18/5/2005) và Vũ Trần Như Quỳnh (sinh ngày 27/4/2007).

Hội đồng xét xử thấy rằng thực tế hiện nay cháu Thảo đang chung sống với mẹ, cháu Quỳnh đang chung sống với bố, sức khỏe và cuộc sống của các cháu ổn định. Cháu Thảo có nguyện vọng muốn ở với mẹ, cháu Quỳnh có nguyện vọng muốn ở với bố. Chị L cũng có quan điểm về nuôi con chung như nguyện vọng của các cháu. Anh T cũng có quan điểm đề nghị cho anh trực tiếp nuôi cả hai cháu hoặc Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của hai cháu. Như vậy, việc giao cháu Thảo cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Quỳnh cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

*Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm c khoản 2 Điều 266, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Vũ Trung T.

2. Về con chung: chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Trần Vi Thảo (sinh ngày 18/5/2005) và anh Vũ Trung T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Trần Như Quỳnh (sinh ngày 27/4/2007) kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung T niên (đủ 18 tuổi).

Chị L và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị L và anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc giáo dục con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được phép cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003627 ngày 26/11/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự T phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi gửi:***
*- Đương sự;*
*- UBND phường Quang Trung;*
*- VKSND Tp. Uông Bí;*
*- Chi cục THADS Uông Bí;*
*- VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
*- TAND tỉnh Quảng Ninh;*
*- Lưu hồ sơ*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Thị Giang Thanh**